

Số: 09/2023/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 24 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp
từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách
trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025;*

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

Chi mua sắm, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí và không quá 200 triệu đồng/dự án.

Điều 4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/vùng trồng chưa được cấp mã số.

2. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Hỗ trợ không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn đề xây dựng dự án, kế hoạch liên kết. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa không quá 120 triệu đồng.

c) Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng.

d) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi,... Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng.

đ) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng.

Điều 6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cơ sở, tổ chức (*doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác*), cá nhân đầu tư ứng dụng thiết bị bay không người lái sử dụng trong sản xuất nông nghiệp; hệ thống sấy nông sản để phục vụ bảo quản và chế biến.

2. Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, rà soát thống kê, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống, làng nghề truyền thống.

2. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới: Mức hỗ trợ 50% kinh phí cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

Điều 8. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn/xóm

Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

Điều 9. Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn

1. Chi thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh quy mô cấp xã. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt, nhưng không quá 150 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn,... Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không quá 100 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới.

a) Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí và không quá 100 triệu đồng/mô hình.

b) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt và không quá 150 triệu đồng/mô hình.

c) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt và không quá 300 triệu đồng/mô hình.

Điều 10. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

Xây dựng thí điểm các mô hình: xã/thôn nông thôn mới thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (*sản xuất, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự, du lịch nông thôn, môi trường, ...*). Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt và không quá 500 triệu đồng/mô hình.

Điều 11. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới

Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ: tối đa 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt và không quá 300 triệu đồng/điểm du lịch nông thôn hoặc sản phẩm du lịch nông thôn.

Điều 12. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;

b) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn/xóm: 50 triệu đồng/thiết chế.